



luò rì

落日

noun · setting sun

Example Sentences

Wǒ men zài hǎi biān kàn luò rì

我们在海边看落日。

We watched the setting sun by the sea.

Luò rì de yú huī rǎn hóng le tiān kōng

落日的余晖染红了天空。

The afterglow of the setting sun dyed the sky red.

Trace each character, then write the word on your own.

落	落	落	落	落	落	落	落	落	落	落
落	落	落	落							
日	日	日	日	日	日	日				